



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2026 ĐẾN NGÀY 30/06/2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 04
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	05 - 06
3. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	07 - 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026	10
6. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026	11 – 43

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 đã được soát xét.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 09/04/2018 của UBND tỉnh Gia Lai từ Công ty TNHH Một thành viên Cà phê Gia Lai. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900189678 ngày 13/09/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 6 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 05/05/2026 do Sở Tài chính tỉnh Gia Lai cấp.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông tại sàn Upcom của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 573/QĐ – SGDHN ngày 07/09/2018 của Phó Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán FGL. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 07/09/2018.

Vốn điều lệ: 146.763.000.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 30/06/2026: 146.763.000.000 đồng

2. Trụ sở hoạt động

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, Phường Thống Nhất, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
- Điện thoại : (84) 0269 3824760
- Fax : (84) 0269 3822487

Đơn vị trực thuộc: Công ty có 04 đơn vị trực thuộc (hạch toán phụ thuộc)

- Chi nhánh Ia Bă Địa chỉ: Thôn Hợp Nhất, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai
- Chi nhánh Ia Yok Địa chỉ: Thôn Lập Thành, xã Ia Hrug, tỉnh Gia Lai
- Chi nhánh Ia Grăng Địa chỉ: Thôn Làng Khớp, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai
- Chi nhánh Chư Sê Địa chỉ: Thôn Phú Cường, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai

3. Ngành nghề kinh doanh chính

- Mua bán nông sản xuất khẩu (trừ mù cao su);
- Buôn bán phân bón sử dụng trong nông nghiệp;
- Trồng cây cà phê;
- Rang và lọc cà phê, sản xuất các sản phẩm cà phê;
- Xuất nhập khẩu các loại cây giống, hạt giống, hàng nông sản các loại.

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 (tiếp theo)

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trịnh Quang Hưng	Chủ tịch	26/06/2024	
Ông Nguyễn Văn Quân	Thành viên	22/04/2026	
Ông Trần Cao Châu	Thành viên	22/04/2026	
Ông Trịnh Đình Trường	P.Chủ tịch	26/06/2024	22/04/2026
Ông Nguyễn Công Tiến	Thành viên	26/06/2024	22/04/2026

4.2. Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Thế Quang	Trưởng ban	22/04/2026	
Ông Trần Đông Hưng	Trưởng ban	28/04/2023	22/04/2026
Bà Nguyễn Thị Thu Vân	Thành viên	17/04/2025	
Bà Bùi Thị Bích Hương	Thành viên	28/04/2023	

4.3. Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Quân	Tổng Giám đốc	23/04/2026	
Ông Nguyễn Văn Quân	Phó Tổng Giám đốc	26/06/2024	22/04/2026
Ông Nguyễn Công Tiến	Tổng Giám đốc	26/06/2024	22/04/2026
Ông Nguyễn Văn Hương	Kế toán trưởng	06/07/2026	
Ông Lê Bá Hiếu	Kế toán trưởng	26/06/2024	06/07/2026

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trịnh Quang Hưng	Chủ tịch HĐQT	26/06/2024	
Ông Nguyễn Văn Quân	Tổng Giám đốc	22/04/2026	
Ông Nguyễn Công Tiến	Tổng Giám đốc	26/06/2024	22/04/2026

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ từ trang 07 đến trang 43.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Tổng giám đốc, Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 (tiếp theo)

01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 của Công ty. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tổng giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tổng giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ

Chúng tôi, Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị



TRỊNH QUANG HÙNG

Chủ tịch

Gia Lai, ngày 12 tháng 08 năm 2026

Số: 27/2026/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT

THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 12 tháng 08 năm 2026, từ trang 7 đến trang 43, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

- Như trình bày tại Thuyết minh V18.b về Vay và nợ thuê tài chính dài hạn, khoản vay dài hạn Công ty CP Chè Biển Hồ không có tài sản thế chấp. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định sử dụng các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được cấp cho Công ty để đảm bảo các khoản vay của Công ty CP Chè Biển Hồ (Bên liên quan – chung công ty đầu tư) tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Gia Lai. Việc đảm bảo các khoản vay của công ty là bên liên quan như trên là chưa phù hợp với quy định tại Điều 293, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Như trình bày tại mục VIII.1 – Nợ tiềm tàng, khoản tiền thuê đất và phạt chậm nộp theo Thông báo của Cơ quan Thuế chưa được ghi nhận đầy đủ vào chi phí hoạt động các năm trước của Công ty, cụ thể:
 - Giai đoạn Doanh nghiệp Nhà nước là 7.754.365.354 đồng (tiền thuê đất) và 5.104.518.215 đồng (phạt chậm nộp).
 - Giai đoạn Công ty cổ phần (năm 2019) là 395.826.472 đồng (tiền thuê đất) và 368.799.753 đồng (phạt chậm nộp).

Khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước về tiền thuê đất này do 2 bên chưa thống nhất nghĩa vụ phải nộp. Công ty đã làm đơn khởi kiện Cục Trưởng cục thuế Tỉnh Gia Lai. Đồng thời, Thanh tra Tỉnh đã có văn bản yêu cầu Thuế Tỉnh Gia Lai phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan xử lý đối với khoản tiền thuê đất này. Hiện nay các bên đang tiếp tục làm việc để giải quyết. Theo đó, số liệu này có thể ảnh hưởng đến Báo cáo tình hình tài chính (nếu có) tùy thuộc vào quyết định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2026, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số VIII.5 trong Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại ngày 30/06/2026, lỗ lũy kế của Công ty là (144.528.493.290) đồng (đầu năm là (139.276.835.327) đồng), nợ ngắn hạn của Công ty cũng vượt quá tài sản ngắn hạn 85.578.412.097 đồng (đầu năm là 69.615.824.683 đồng). Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào hoạt động có lãi trong tương lai và/hoặc sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông để đảm bảo Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo. Do đó, Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Tp. Đà Nẵng, ngày 12 tháng 08 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - VIETVALUES

Huỳnh Minh Hưng – Giám đốc Chi nhánh

Giấy CNĐKHN số: 3402-2025-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VIETVALUES

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

DVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		14.178.006.635	8.950.739.861
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.806.017.237	827.041.588
1. Tiền	111	V.1	1.806.017.237	827.041.588
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.895.494.554	5.792.836.049
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	6.082.114.300	4.860.214.300
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	16.665.286	2.405.446
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.4	6.616.263.314	8.693.591.603
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136	V.5	(8.819.548.346)	(7.763.375.300)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	6.787.678.206	568.726.284
1. Hàng tồn kho	141		6.872.321.183	702.409.828
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		(84.642.977)	(133.683.544)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		1.688.816.638	1.762.135.940
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.7a	3.009.404	10.356.162
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		1.555.936.156	1.646.582.396
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.13	129.871.078	105.197.382
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		88.170.214.250	90.362.336.437
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		76.475.254.651	80.764.886.051
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	76.373.540.946	80.662.629.070
- Nguyên giá	222		344.111.774.935	344.111.774.935
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(267.738.233.989)	(263.449.145.865)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	101.713.705	102.256.981
- Nguyên giá	228		110.144.000	110.144.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(8.430.295)	(7.887.019)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		10.859.973.468	8.565.051.116
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.10	10.859.973.468	8.565.051.116
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		834.986.131	1.032.399.270
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.7b	834.986.131	1.032.399.270
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		102.348.220.885	99.313.076.298

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		100.113.714.175	91.826.911.625
I. Nợ ngắn hạn	310		99.756.418.732	78.566.564.544
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	461.024.350	1.305.744.903
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	36.050.000.000	30.050.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.13	69.306.337	108.554.320
4. Phải trả người lao động	315	V.14	690.829.872	776.423.008
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.15	82.500.000	82.500.000
6. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	V.16a	181.120.798	237.584.528
7. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.17	32.426.787.975	30.110.908.385
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.18a	29.794.849.400	15.894.849.400
II. Nợ dài hạn	330		357.295.443	13.260.347.081
1. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337	V.16b	357.295.443	402.159.081
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.18b	-	12.858.188.000
D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.234.506.710	7.486.164.673
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.234.506.710	7.486.164.673
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	146.763.000.000	146.763.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		146.763.000.000	146.763.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.19	(144.528.493.290)	(139.276.835.327)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	420a		(139.276.835.327)	(126.009.725.658)
- LNST chưa phân phối năm nay	420b		(5.251.657.963)	(13.267.109.669)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		102.348.220.885	99.313.076.298

Gia Lai, ngày 12 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Kiểm Giám đốc





LÊ BÁ HIẾU

NGUYỄN VĂN HÙNG



NGUYỄN VĂN QUÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.990.511.284	5.528.107.756
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.990.511.284	5.528.107.756
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.828.318.273	3.401.228.373
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		162.193.011	2.126.879.383
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	117.610.989	156.765.350
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	2.105.286.200	2.897.224.900
- Trong đó: Chi phí lãi vay	24		2.105.286.200	2.897.224.900
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	770.176	10.189.250
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	3.869.877.885	3.427.883.853
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.696.130.261)	(4.051.653.270)
12. Thu nhập khác	31	VI.7	610.574.700	473.063.300
13. Chi phí khác	32	VI.8	166.102.402	4.780.968.998
14. Lợi nhuận khác	40		444.472.298	(4.307.905.698)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5.251.657.963)	(8.359.558.968)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	-	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(5.251.657.963)	(8.359.558.968)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(358)	(570)
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	(358)	(570)

Người lập biểu



LÊ BÁ HIẾU

Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN HƯƠNG



12 tháng 08 năm 2026

Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN QUÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

DVT: VNĐ

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		7.750.686.300	18.241.811.090
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(5.425.436.852)	(2.057.813.484)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.251.952.995)	(1.718.501.391)
4. Chi phí đi vay đã trả	04		-	(9.076.700)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		16.216.082.150	3.802.469.398
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(15.463.983.466)	(6.847.899.791)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.825.395.137	11.410.989.122
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.005.285.652)	(3.652.211.097)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	117.054.164	156.765.350
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.888.231.488)	(3.495.445.747)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	44.800.000.000	11.140.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(43.758.188.000)	(23.180.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.041.812.000	(12.040.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		978.975.649	(4.124.456.625)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	827.041.588	4.304.624.152
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1	1.806.017.237	180.167.527

Người lập biểu



LÊ BÁ HIẾU

Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN HƯƠNG



Ngày 12 tháng 08 năm 2026

Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN QUÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 của Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty")

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 09/04/2018 của UBND tỉnh Gia Lai từ Công ty TNHH Một thành viên Cà phê Gia Lai. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900189678 ngày 13/09/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 6 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 05/05/2026 do Sở Tài chính tỉnh Gia Lai cấp.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông tại sàn Upcom của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 573/QĐ – SGDHN ngày 07/09/2018 của Phó Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán FGL. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 07/09/2018.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và sản xuất nông nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Mua bán nông sản xuất khẩu (trừ mủ cao su);
- Buôn bán phân bón sử dụng trong nông nghiệp;
- Trồng cây cà phê;
- Rang và lọc cà phê, sản xuất các sản phẩm cà phê;
- Xuất nhập khẩu các loại cây giống, hạt giống, hàng nông sản các loại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Do sản lượng cà phê kỳ này bán ra thấp hơn cùng kỳ năm trước, giá bán bình quân cũng thấp hơn làm cho doanh thu kỳ này giảm 45,9% so với kỳ trước. Tương ứng với sự sụt giảm của doanh thu thì giá vốn cũng giảm 16,8% làm cho tỷ lệ lãi gộp/doanh thu giảm 33% so với kỳ trước.

Ngoài ra, không có sự kiện về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

6. Cấu trúc Công ty

Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Địa chỉ	
Tên đơn vị	
Chi nhánh Ia Bă	Thôn Hợp Nhất, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Ia Yok	Thôn Lập Thành, xã Ia Hrug, tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Ia Grăng	Thôn Làng Khốp, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Chư Sê	Thôn Phú Cường, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 24 nhân viên đang làm việc (Đầu năm là 30 nhân viên).

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 Công ty áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư có liên quan. Việc áp dụng chế độ kế toán mới và thay đổi chính sách kế toán không ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này là Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính của Công ty là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan hiện hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc Công ty cam kết Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan hiện hành tại Việt Nam.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Công ty thực hiện theo dõi chi tiết các khoản phải thu theo từng đối tượng phải thu, kỳ hạn phải thu và nguyên tệ phải thu phù hợp với yêu cầu quản lý.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua - bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, thanh lý hoặc nhượng bán tài sản giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu giữa Công ty và các đơn vị trực thuộc;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu bằng ngoại tệ được ghi nhận và đánh giá lại theo quy định áp dụng đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, căn cứ vào kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu, Công ty thực hiện phân loại và trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn theo quy định hiện hành.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc chưa đến hạn thanh toán nhưng có bằng chứng cho thấy khả năng không thu hồi được một phần hoặc toàn bộ khoản nợ.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được thực hiện như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc có bằng chứng cho thấy khó có khả năng hoặc không có khả năng thanh toán, Công ty căn cứ mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra để xác định mức trích lập dự phòng phù hợp.

Trường hợp Công ty có bằng chứng tin cậy hơn hoặc có cơ sở xác định giá trị có thể thu hồi phù hợp hơn thì Công ty có thể áp dụng phương pháp khác để xác định mức dự phòng phải thu khó đòi theo quy định hiện hành.

Việc trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi được thực hiện tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Khoản trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xóa sổ nhưng sau đó thu hồi được, số tiền thu hồi được ghi nhận vào thu nhập khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

4. Hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở mức độ hoạt động bình thường. Đối với bất động sản thành phẩm, giá gốc bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, chi phí xây dựng, chi phí trực tiếp và các chi phí liên quan khác phát sinh trong quá trình đầu tư và hoàn thiện sản phẩm.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh liên quan đến quá trình sản xuất, cung cấp dịch vụ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp phù hợp với đặc điểm hoạt động của Công ty, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang có thể chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp hoặc các chi phí trực tiếp khác phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

- Phương pháp tính giá trị và hạch toán hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền được hạch toán theo phương pháp kiểm kê thường xuyên.

- Phương pháp trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, khi có bằng chứng cho thấy giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc, Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định hiện hành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng loại hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được xác định theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

- Tiêu thức phân bổ nguyên liệu, vật liệu

Chi phí nguyên vật liệu, vật tư, công cụ dụng cụ và chi phí sản xuất chung được phân bổ theo tiêu thức phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được áp dụng nhất quán giữa các kỳ kế toán. Chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở mức độ hoạt động bình thường.

- Chính sách kế toán liên quan đến hàng tồn kho đối với những hợp đồng có rủi ro lớn

Đối với các hợp đồng có rủi ro lớn hoặc có dấu hiệu tổn thất, Công ty thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của hàng tồn kho liên quan. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc hoặc chi phí thực hiện hợp đồng dự kiến vượt quá lợi ích kinh tế thu được, Công ty thực hiện trích lập dự phòng tổn thất theo quy định hiện hành và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ (-) hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự kiến của Công ty như chi phí vận chuyển, bốc xếp, lắp đặt, chạy thử, lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác. Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua và các khoản thuế được hoàn lại được trừ khỏi nguyên giá tài sản.

Đối với tài sản cố định hình thành từ đầu tư xây dựng cơ bản, nguyên giá bao gồm giá quyết toán công trình và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng tài sản đủ điều kiện được vốn hóa theo quy định hiện hành.

Trường hợp mua tài sản cố định theo phương thức trả chậm, trả góp, nguyên giá tài sản được xác định theo giá mua trả tiền ngay tại thời điểm mua. Khoản chênh lệch giữa tổng số tiền phải thanh toán và giá mua trả tiền ngay được ghi nhận vào chi phí tài chính theo kỳ hạn thanh toán, trừ trường hợp được vốn hóa theo quy định.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định khi các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản, như nâng cấp, cải tạo làm tăng công suất, kéo dài thời gian sử dụng hữu ích hoặc nâng cao chất lượng sản phẩm. Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên nhằm duy trì hoạt động bình thường của tài sản được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được thanh lý, nhượng bán hoặc không còn sử dụng, nguyên giá và hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ. Chênh lệch giữa giá trị còn lại của tài sản và khoản thu từ thanh lý, nhượng bán được ghi nhận vào thu nhập khác hoặc chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao được Công ty xem xét định kỳ và điều chỉnh khi có sự thay đổi đáng kể về cách thức thu hồi lợi ích kinh tế từ tài sản.

Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các nhóm tài sản như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 8 năm
Phương tiện vận tải	8 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	8 năm
Vườn cây lâu năm	20 năm

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ (-) hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự kiến, bao gồm giá mua, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ trường hợp các chi phí này thỏa mãn đồng thời điều kiện làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai của tài sản và có thể xác định một cách chắc chắn, khi đó được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định vô hình.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được thanh lý hoặc nhượng bán, nguyên giá và hao mòn lũy kế được xóa sổ. Chênh lệch giữa giá trị còn lại của tài sản và khoản thu từ thanh lý, nhượng bán (nếu có) được ghi nhận vào thu nhập khác hoặc chi phí khác trong kỳ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty có quyền sử dụng đất hợp pháp và xác định được nguyên giá một cách đáng tin cậy. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm các khoản chi phí thực tế liên quan trực tiếp như: tiền trả để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng và lệ phí trước bạ (nếu có).

Việc khấu hao quyền sử dụng đất được thực hiện như sau:

- Quyền sử dụng đất có thời hạn: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn sử dụng đất còn lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn: không thực hiện khấu hao.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh toàn bộ chi phí đầu tư xây dựng, mua sắm, lắp đặt, sửa chữa lớn, nâng cấp, cải tạo TSCĐ và BĐS đầu tư chưa hoàn thành, được ghi nhận theo giá gốc và theo dõi chi tiết theo từng công trình, hạng mục. Chi các chi phí trực tiếp cần thiết và đủ điều kiện vốn hóa mới được ghi tăng, bao gồm chi phí đi vay nếu đáp ứng điều kiện theo chuẩn mực liên quan; chênh lệch tỷ giá không được vốn hóa. Chi phí quản lý dự án và chi phí chung được phân bổ hợp lý theo tiêu thức phù hợp; trường hợp không thể thu hồi hoặc dự án bị hủy bỏ thì phần chênh lệch giữa chi phí và giá trị thu hồi được ghi nhận vào chi phí khác. Khi công trình hoàn thành, được nghiệm thu, toàn bộ giá trị được kết chuyển sang TSCĐ hoặc BĐS đầu tư theo mục đích sử dụng. Trong giai đoạn dở dang, tài sản không trích khấu hao. Trường hợp hoàn thành nhưng chưa phê duyệt quyết toán, doanh nghiệp ghi nhận theo giá tạm tính và điều chỉnh khi có quyết toán chính thức.

8. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ tương ứng theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm các khoản chủ yếu sau:

- Chi phí thuê cơ sở hạ tầng, thuê hoạt động tài sản cố định phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh nhiều kỳ kế toán;
- Chi phí mua bảo hiểm và các khoản chi trả trước khác liên quan đến nhiều kỳ kế toán;
- Giá trị công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển và đồ dùng cho thuê phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh nhiều kỳ kế toán;
- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh liên quan đến nhiều kỳ kế toán;
- Lợi thế kinh doanh phát sinh theo quy định hiện hành;
- Các khoản chi phí chờ phân bổ khác không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định nhưng liên quan đến nhiều kỳ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tính chất và mức độ hưởng lợi của từng khoản chi phí, theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp phù hợp khác và được áp dụng nhất quán giữa các kỳ kế toán.

Công ty theo dõi chi tiết từng khoản chi phí chờ phân bổ theo từng nội dung chi phí, thời gian phân bổ, số đã phân bổ và số còn lại chưa phân bổ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian dự kiến mang lại lợi ích kinh tế.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo giá trị xác định tại thời điểm phát sinh theo quy định hiện hành và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian phù hợp với lợi ích kinh tế dự kiến thu được, thời hạn phân bổ là 120 tháng.

9. Phải trả người bán

Phải trả người bán phản ánh các khoản nợ mang tính chất thương mại phát sinh từ việc mua hàng hóa, dịch vụ, TSCĐ, BĐS đầu tư và các hợp đồng xây lắp. Khoản phải trả được ghi nhận khi doanh nghiệp có nghĩa vụ thanh toán hiện tại và được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, bao gồm cả các khoản đã ứng trước nhưng chưa nhận hàng hóa, dịch vụ hoặc khối lượng hoàn thành. Các khoản chiết khấu, giảm giá, hàng trả lại được ghi giảm công nợ tương ứng khi phát sinh.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả phản ánh các khoản chi phí đã phát sinh trong kỳ nhưng chưa có đủ chứng từ hoặc chưa thanh toán, bao gồm chi phí hàng hóa, dịch vụ đã nhận, tiền lương, nghỉ phép, chi phí ngừng sản xuất theo kế hoạch và lãi vay phải trả trích trước. Khoản chi phí phải trả được ghi nhận khi doanh nghiệp có nghĩa vụ hiện tại và xác định được một cách đáng tin cậy giá trị phải trả, đảm bảo phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

11. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán liên quan của doanh nghiệp.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn hoặc dài hạn căn cứ vào kỳ hạn còn lại ($\leq$ hoặc > 12 tháng) và nghĩa vụ thanh toán tại thời điểm báo cáo.

Nợ thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay (phí thu xếp, thẩm định, hồ sơ...) được phân bổ theo thời hạn vay; lãi vay tuân thủ nguyên tắc vốn hóa theo chuẩn mực liên quan.

Doanh nghiệp theo dõi chi tiết theo từng khoản vay, từng hợp đồng, từng đối tượng cho vay và kỳ hạn để phục vụ quản lý và trình bày BCTC.

12. Ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp đủ điều kiện vốn hóa. Chi vốn hóa khi khoản vay trực tiếp liên quan đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang đủ điều kiện và chắc chắn mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai. Chi phí vốn hóa gồm lãi vay và các chi phí trực tiếp liên quan đến khoản vay như phí thu xếp, thẩm định, hồ sơ vay. Việc vốn hóa được thực hiện trong giai đoạn xây dựng và dừng khi tài sản đủ điều kiện đưa vào sử dụng hoặc bán. Các khoản vay không đủ điều kiện vốn hóa thì ghi nhận toàn bộ vào chi phí tài chính trong kỳ theo nguyên tắc dồn tích.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Doanh thu không bao gồm các khoản thuế gián thu phải nộp như thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu và các khoản thu hộ bên thứ ba.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, căn cứ thời gian và lãi suất thực tế phát sinh trên số dư các khoản tiền gửi, cho vay và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty phát sinh quyền được nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ hoạt động đầu tư vốn. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận doanh thu tài chính, chỉ theo dõi tăng số lượng cổ phiếu thuyết minh trên Báo cáo tài chính

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp và các chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán. Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu tương ứng theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát và các chi phí vượt mức bình thường được ghi nhận vào giá vốn hàng bán theo nguyên tắc thận trọng. Các khoản hoàn nhập dự phòng và các khoản giảm chi phí liên quan được ghi giảm giá vốn hàng bán.

16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí và lỗ liên quan đến hoạt động tài chính của Công ty, bao gồm: chi phí đi vay không được vốn hóa, lỗ chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính, chi phí giao dịch bán chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính, chi phí mua chứng khoán kinh doanh, dự

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ hoặc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ, các khoản chiết khấu thanh toán cho người mua, và các khoản chi phí tài chính khác phát sinh trong kỳ. Chi phí tài chính được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ các khoản được vốn hóa theo quy định.

17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý, điều hành chung của Công ty.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp được vốn hóa theo quy định. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần thời gian dài để hoàn thành và đưa vào sử dụng hoặc bán thì chi phí đi vay được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Các khoản thu nhập phát sinh từ đầu tư tạm thời các khoản vay riêng được ghi giảm chi phí đi vay được vốn hóa.

Đối với các khoản vay chung có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa áp dụng cho chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho tài sản đủ điều kiện vốn hóa trong kỳ. Tỷ lệ vốn hóa được xác định theo lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho việc hình thành một tài sản cụ thể.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo quy định của pháp luật thuế. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm cả thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu (nếu có). Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các khoản chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển theo quy định của pháp luật thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản, nợ phải trả và cơ sở tính thuế tương ứng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng tại thời điểm tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ trường hợp liên quan trực tiếp đến các khoản mục được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không được bù trừ khi ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính năm của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (ĐVT: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	347.764.327	355.611.627
Tiền gửi ngân hàng	1.458.252.910	471.429.961
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai	1.333.622.769	14.034.335
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Gia Lai	124.630.141	457.395.626
Cộng	1.806.017.237	827.041.588

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>4.860.214.300</i>	<i>(4.860.214.300)</i>	<i>4.860.214.300</i>	<i>(4.860.214.300)</i>
- Công ty CP Năng lượng Nghĩa Hưng	4.860.214.300	(4.860.214.300)	4.860.214.300	(4.860.214.300)
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>1.221.900.000</i>	-	-	-
Các khách hàng khác	1.221.900.000	-	-	-
Cộng	6.082.114.300	(4.860.214.300)	4.860.214.300	(4.860.214.300)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>16.665.286</i>	<i>2.405.446</i>
Biện Thị Dịu	15.000.000	-
Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	1.665.286	2.405.446
Cộng	16.665.286	2.405.446

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>5.454.263.314</i>	<i>(3.959.334.046)</i>	<i>5.450.541.603</i>	<i>(2.903.161.001)</i>
Ông Võ Ngọc Hiếu	4.668.274.673	(3.267.792.270)	4.668.274.673	(2.334.137.337)
UBND huyện Chư Prông	175.025.874	(122.518.112)	175.025.874	-
Phải thu khác	610.962.767	(569.023.664)	607.241.056	(569.023.664)
- Phải thu khác tại Chi nhánh Ia Grăng	534.294.983	(534.294.983)	534.294.983	(534.294.983)
- Phải thu khác tại Chi nhánh Ia Yok	34.211.757	(34.211.757)	34.211.757	(34.211.757)
- Phải thu khác tại văn phòng	-	-	4.690.520	-
- Phải thu khác tại Chi nhánh Chư sê	296.924	(296.924)	296.924	(296.924)
- Phải thu khác tại Chi nhánh Ia Bă	220.000	(220.000)	220.000	(220.000)
- Phải thu BHXH nộp thừa	41.939.103	-	33.526.872	-
<i>Tạm ứng CBCNV</i>	<i>1.162.000.000</i>	-	<i>3.243.050.000</i>	-
Cộng	6.616.263.314	(3.959.334.046)	8.693.591.603	(2.903.161.001)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)**5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan	4.860.214.300	-	4.860.214.300	-
Công ty CP Năng lượng Nghĩa Hưng	4.860.214.300	-	4.860.214.300	-
Các tổ chức khác	5.412.324.211	1.452.990.165	5.412.324.211	2.509.163.210
Ông Võ Ngọc Hiếu	4.668.274.673	1.400.482.403	4.668.274.673	2.334.137.336
UBND huyện Chư Prông	175.025.874	52.507.762	175.025.874	175.025.874
Phải thu khác tại Chi nhánh Ia Grăng	534.294.983	-	534.294.983	-
Phải thu khác tại Chi nhánh Ia Yok	34.211.757	-	34.211.757	-
Phải thu khác tại Chi nhánh Chư sê	296.924	-	296.924	-
Phải thu khác tại Chi nhánh Ia Bă	220.000	-	220.000	-
Cộng	10.272.538.511	1.452.990.165	10.272.538.511	2.509.163.210

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	7.763.375.300	5.429.052.387
Trích lập dự phòng bổ sung	1.056.173.046	889.576
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	8.819.548.346	5.429.941.963

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	559.429.468	(84.642.977)	631.491.628	(133.683.544)
Chi phí SXKD dở dang	5.265.815.665	-	-	-
Hàng hóa	1.047.076.050	-	70.918.200	-
Cộng	6.872.321.183	(84.642.977)	702.409.828	(133.683.544)

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất, lạc hậu kỹ thuật,... không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ là 84.642.977 đồng. Toàn bộ giá trị này đã được Công ty trích lập số dự phòng

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)**7. Chi phí chờ phân bổ****a) Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	9.287.760
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	3.009.404	1.068.402
Cộng	3.009.404	10.356.162

Tình hình biến động chi phí chờ phân bổ ngắn hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Đầu năm	10.356.162	-
Tăng trong kỳ	-	25.915.700
Phân bổ trong kỳ	(7.346.758)	(9.986.092)
Cuối kỳ	3.009.404	15.929.608

b) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa	55.220.803	101.931.666
Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	57.234.300	43.724.976
Lợi thế kinh doanh	722.531.028	886.742.628
Cộng	834.986.131	1.032.399.270

Tình hình biến động chi phí chờ phân bổ dài hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Đầu năm	1.032.399.270	1.277.367.823
Tăng trong kỳ	3.605.000	97.075.180
Phân bổ trong kỳ	(201.018.139)	(187.066.548)
Cuối kỳ	834.986.131	1.187.376.455

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiền vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	105.605.543.136	14.185.161.555	14.237.973.873	190.000.000	209.893.096.371	344.111.774.935
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	105.605.543.136	14.185.161.555	14.237.973.873	190.000.000	209.893.096.371	344.111.774.935
Trong đó:						
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	7.977.956.481	2.666.510.605	-	-	-	10.644.467.086
- Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	79.462.502.373	10.939.813.441	8.578.445.600	181.266.803	164.287.117.648	263.449.145.865
Khấu hao trong kỳ	1.457.396.154	319.410.340	711.898.692	6.237.966	1.794.144.972	4.289.088.124
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	80.919.898.527	11.259.223.781	9.290.344.292	187.504.769	166.081.262.620	267.738.233.989
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	26.143.040.763	3.245.348.114	5.659.528.273	8.733.197	45.605.978.723	80.662.629.070
Số cuối kỳ	24.685.644.609	2.925.937.774	4.947.629.581	2.495.231	43.811.833.751	76.373.540.946

Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố 담 bảo khoản vay tại ngày 30/06/2026.

Giá trị còn lại cuối kỳ chờ thanh lý là 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc**9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Quyền sử dụng đất lâu dài	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	32.144.000	78.000.000	110.144.000
Mua trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	32.144.000	78.000.000	110.144.000
<i>Trong đó:</i>			
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
- Chờ thanh lý	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	7.887.019	-	7.887.019
Khấu hao trong kỳ	543.276	-	543.276
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	8.430.295	-	8.430.295
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	24.256.981	78.000.000	102.256.981
Số cuối kỳ	23.713.705	78.000.000	101.713.705

Quyền sử dụng đất có thời hạn: Quyền sử dụng đất tại xã Ia Blang, huyện Chư Sê, Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA517987 ngày 23/02/2022, diện tích 268,3 m² đất trồng cây lâu năm tương ứng 32.144.000 đồng, thời hạn sử dụng đến tháng 4 năm 2047.

Quyền sử dụng đất lâu dài: Quyền sử dụng đất tại xã Ia Blang, huyện Chư Sê, Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA517987 ngày 23/02/2022, diện tích 130 m² đất ở tương ứng 78.000.000 đồng.

Hiện nay Công ty vẫn chưa có kế hoạch sử dụng các quyền sử dụng đất này.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	8.565.051.116	2.294.922.352	-	10.859.973.468
Diện tích tái canh tại chi nhánh Ia Grăng	8.565.051.116	2.294.922.352	-	10.859.973.468
Cộng	8.565.051.116	2.294.922.352	-	10.859.973.468

Tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm là 194.679.500 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	773.802.353
Công ty CP Chè Biên Hồ	-	773.802.353
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	461.024.350	531.942.550
- Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển cây hồ tiêu (*)	378.000.000	378.000.000
- DNTN Cường Thành (*)	83.024.350	83.024.350
- Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại văn hóa Bình Minh	-	70.918.200
Cộng	461.024.350	1.305.744.903

(*) Nợ quá hạn chưa thanh toán tại ngày 30/06/2026 là 461.024.350 đồng.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	36.050.000.000	30.050.000.000
Công ty Cổ phần Chè Biên Hồ	26.050.000.000	20.050.000.000
Công ty TNHH Long Sơn	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	36.050.000.000	30.050.000.000

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(105.197.382)	-	-	-	(105.197.382)
Thuế thu nhập cá nhân	22.849.932	-	13.976.595	(61.500.223)	-	(24.673.696)
Tiền thuê đất	-	-	1.383.656.772	(1.383.656.772)	-	-
Các loại thuế khác	64.798.010	-	-	(15.976.520)	48.821.490	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	20.906.378	-	-	(421.531)	20.484.847	-
Cộng	108.554.320	(105.197.382)	1.397.633.367	(1.461.555.046)	69.306.337	(129.871.078)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Các mặt hàng nông sản Công ty tự sản xuất thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Các mặt hàng khác áp dụng theo thuế suất hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các hoạt động sau:

- Đối với thu nhập từ trồng trọt (bao gồm cả sản phẩm rừng trồng), chế biến nông sản (bao gồm cả trường hợp hợp tác xã, doanh nghiệp mua bán sản phẩm nông sản, thủy sản về chế biến) được miễn thuế. Ưu đãi miễn thuế TNDN đối với hoạt động nêu trên được quy định tại Khoản 1a Điều 4 Nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ.
- Đối với hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.251.657.963)	(8.359.558.968)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác	2.671.866.918	2.769.342.362
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.671.866.918	2.769.342.362
+ Chi phí lãi vay theo Nghị định 132/NĐ-CP	1.923.747.381	1.865.325.614
+ Chi phí khấu hao xe ô tô đối với phần nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng và khấu hao QSDĐ chưa sử dụng	562.086.268	562.086.270
+ Thù lao HĐQT không chuyên trách	186.000.000	273.272.728
+ Phạt vi phạm hành chính, lãi chậm nộp	33.269	807.870
+ Chi phí không hợp lệ khác	166.069.133	67.849.880
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	(2.579.791.045)	(5.590.216.606)
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	(2.579.791.045)	(5.590.216.606)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Tổng thuế TNDN phải nộp	-	-

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	690.829.872	741.423.008
Tiền thưởng phải trả	-	35.000.000
Cộng	690.829.872	776.423.008

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức, cá nhân khác</i>	82.500.000	82.500.000
Trích trước phí tư vấn, kiểm toán	82.500.000	82.500.000
Cộng	82.500.000	82.500.000

16. Doanh thu chờ phân bổ**a. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Doanh thu chờ phân bổ liên quan đến các bên liên quan</i>	-	-
<i>Doanh thu chờ phân bổ liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	181.120.798	237.584.528
- Công ty TNHH MTV Bình Ni	100.871.732	-
- Công ty TNHH TH GLOBAL Việt Nam	80.249.066	161.394.771
- Các đối tượng khác	-	76.189.757
Cộng	181.120.798	237.584.528

b. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Doanh thu chờ phân bổ liên quan đến các bên liên quan</i>	106.818.181	120.454.545
- Công ty CP Năng Lượng Nghĩa Hưng	106.818.181	120.454.545
<i>Doanh thu chờ phân bổ liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	250.477.262	281.704.536
- Công ty CP Novus Imperium Gia Lai 1	106.818.181	120.454.545
- Công ty TNHH Na Sơn Gia Lai	70.159.081	78.749.991
- Công ty CP Solcano	73.500.000	82.500.000
Cộng	357.295.443	402.159.081

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	28.186.641.683	26.508.905.983
Chi phí lãi vay, lãi nhận tiền ứng trước phải trả	28.186.641.683	26.508.905.983
Trong đó, lãi phải trả Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ	27.133.953.633	25.109.104.333
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	4.240.146.292	3.602.002.402
Phải trả về chế độ dôi dư	1.698.297.360	1.698.297.360
Phải trả Nhà nước về cổ phần hóa	1.041.882.332	1.041.882.332
Lãi vay phải trả	622.230.000	-
Nguồn kinh phí	499.537.526	499.537.526
BHXX, BHYT, BHTN thu trước	23.433.000	7.232.000
Thuế TNCN thu thừa	2.666.667	141.986
Các khoản phải trả khác	352.099.407	354.911.198
- Phải trả người dân tiền đồ đạc, cầm mốc	233.349.104	233.349.104
- Phải trả khác tại văn phòng	118.750.303	80.750.303
- Phải trả khác tại chi nhánh	-	40.811.791
Cộng	32.426.787.975	30.110.908.385

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn là các bên liên quan	28.594.849.400	28.594.849.400	3.794.849.400	3.794.849.400
Vay ngắn hạn của cá nhân (Xem thuyết minh số VIII.2b)	28.594.849.400	28.594.849.400	3.794.849.400	3.794.849.400
- Trịnh Đình Trường	3.794.849.400	3.794.849.400	3.794.849.400	3.794.849.400
- Trịnh Quang Hưng	18.500.000.000	18.500.000.000	-	-
- Nguyễn Thị Thu Vân	6.300.000.000	6.300.000.000	-	-
Vay ngắn hạn cá nhân khác	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000
- Lê Thị Vinh	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả là các bên liên quan	-	-	10.900.000.000	10.900.000.000
- Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ (Xem thuyết minh số VIII.2b)	-	-	10.900.000.000	10.900.000.000
Cộng	29.794.849.400	29.794.849.400	15.894.849.400	15.894.849.400

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

- Vay ngắn hạn cá nhân khác theo các hợp đồng vay có thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng. Mục đích vay là để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất vay là 7,8%/năm đến 8,4%/năm và không có tài sản thế chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển từ nợ vay dài hạn	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn là các bên liên quan	3.794.849.400	44.800.000.000	(20.000.000.000)	-	28.594.849.400
Vay ngắn hạn của cá nhân (Xem thuyết minh số IX.2b)	3.794.849.400	44.800.000.000	(20.000.000.000)	-	28.594.849.400
- Trịnh Đình Trường	3.794.849.400	-	-	-	3.794.849.400
- Trịnh Quang Hưng	-	23.500.000.000	(5.000.000.000)	-	18.500.000.000
- Nguyễn Thị Thu Vân	-	21.300.000.000	(15.000.000.000)	-	6.300.000.000
Vay ngắn hạn các đối tượng khác	1.200.000.000	-	-	-	1.200.000.000
- Lê Thị Vinh	1.200.000.000	-	-	-	1.200.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả là các bên liên quan	10.900.000.000	-	(10.900.000.000)	-	-
- Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ (Xem thuyết minh số VIII.2b)	10.900.000.000	-	(10.900.000.000)	-	-
Cộng	15.894.849.400	44.800.000.000	(30.900.000.000)	-	29.794.849.400

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn là các bên liên quan	-	-	12.858.188.000	12.858.188.000
- Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ (Xem thuyết minh số VIII.2b)	-	-	12.858.188.000	12.858.188.000
Cộng	-	-	12.858.188.000	12.858.188.000

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang nợ vay ngắn hạn	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	12.858.188.000	-	(12.858.188.000)	-	-
- Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ (Xem thuyết minh số VIII.2b)	12.858.188.000	-	(12.858.188.000)	-	-
Cộng	12.858.188.000	-	(12.858.188.000)	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Công ty Cà phê Gia Lai vay dài hạn Công ty Cổ phần Chè Biên Hồ. Tất cả các khoản vay của Công ty Cổ phần Chè Biên Hồ đều không tài sản thế chấp hoặc bảo lãnh của bên thứ ba.

Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị Công ty đã có biên bản họp số 07/BB.HĐQT ngày 22/12/2022 về việc thống nhất thực hiện giao dịch với bên liên quan. Theo đó, Công ty sẽ sử dụng các tài sản hiện có là các Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất để thế chấp cho khoản vay nợ của Công ty CP Chè Biên Hồ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Gia Lai. Chi tiết các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được dùng để bảo đảm các khoản vay như sau:

TT	Tài sản	Địa chỉ	Mục đích
1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517854	Tổ dân phố 2, Phường Thống Nhất, Tỉnh Gia Lai	Đất thương mại dịch vụ
2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517909	Xã Ia Hrug, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517851	Xã Ia Hrug, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
4	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517834	Xã Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
5	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517905	Xã Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
6	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517906	Xã Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
7	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517901	Xã Chư Sê, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
8	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517902	Xã Chư Sê, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
9	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517817	Xã Chư Sê, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)**19. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2025	146.763.000.000	(126.009.725.658)	20.753.274.342
Lợi nhuận trong kỳ	-	(8.359.558.968)	(8.359.558.968)
Số dư tại ngày 30/06/2025	146.763.000.000	(134.369.284.626)	12.393.715.374
Số dư tại ngày 01/01/2026	146.763.000.000	(139.276.835.327)	7.486.164.673
Lợi nhuận trong kỳ	-	(5.251.657.963)	(5.251.657.963)
Số dư tại ngày 30/06/2026	146.763.000.000	(144.528.493.290)	2.234.506.710

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Công ty CP Đầu tư Legend Highland	35.000.000.000	23,85%	35.000.000.000	23,85%
Công ty CP Năng lượng Nghĩa Hưng	33.892.380.000	23,09%	33.892.380.000	23,09%
Bà Nguyễn Thị Thu Vân	28.767.980.000	19,60%	28.767.980.000	19,60%
Ông Trịnh Quang Hưng	28.528.020.000	19,44%	28.528.020.000	19,44%
Ông Trịnh Quang Vinh	15.383.810.000	10,48%	15.383.810.000	10,48%
Các cổ đông khác	5.190.810.000	3,54%	5.190.810.000	3,54%
	146.763.000.000	100,00%	146.763.000.000	100,00%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	146.763.000.000	146.763.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	146.763.000.000	146.763.000.000
- Cổ tức đã chia	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)**d. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.676.300	14.676.300
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.676.300	14.676.300
- Cổ phiếu thường	14.676.300	14.676.300
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.676.300	14.676.300
- Cổ phiếu thường	14.676.300	14.676.300
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Phân phối lợi nhuận

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đầu năm	(139.276.835.327)	(126.009.725.658)
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp trong kỳ	(5.251.657.963)	(8.359.558.968)
Cộng	<u>(144.528.493.290)</u>	<u>(134.369.284.626)</u>

20. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính**Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Tại chi nhánh Ia Phìn	2.745.540.295	2.745.540.295	Quá hạn không thể thu hồi
Tại chi nhánh Ia Bă	483.744.506	483.744.506	Quá hạn không thể thu hồi
Các đối tượng khác	85.437.208	85.437.208	Quá hạn không thể thu hồi
Cộng	<u>3.314.722.009</u>	<u>3.314.722.009</u>	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu cà phê xuất bán	1.357.500.000	5.330.654.936
Doanh thu bán vật tư, phân bón	1.395.320.280	5.250.057
Doanh thu khác	237.691.004	192.202.763
Cộng	2.990.511.284	5.528.107.756

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu cà phê xuất bán	1.357.500.000	-
Doanh thu khác	13.636.364	13.636.364
Cộng	1.371.136.364	13.636.364

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn cà phê xuất bán	1.357.500.000	3.355.961.614
Giá vốn vật tư, phân bón, cây giống	1.369.780.892	4.916.559
Giá vốn khác	150.077.948	40.350.200
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(49.040.567)	-
Cộng	2.828.318.273	3.401.228.373

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	556.825	37.896
Lãi do người dân nộp khoán sản lượng chậm	117.054.164	156.727.454
Cộng	117.610.989	156.765.350

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay	2.105.286.200	2.897.224.900
Cộng	<u>2.105.286.200</u>	<u>2.897.224.900</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	770.176	10.189.250
Cộng	<u>770.176</u>	<u>10.189.250</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1.147.819.045	1.374.842.932
Chi phí khấu hao tài sản cố định	812.386.392	819.121.926
Chi phí dịch vụ mua ngoài	445.633.061	611.652.648
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.056.173.046	889.576
Chi phí khác bằng tiền	407.866.341	621.376.771
Cộng	<u>3.869.877.885</u>	<u>3.427.883.853</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Thu nợ sản phẩm thiếu khoán các vụ trước	578.067.700	473.063.300
Thu nhập khác	32.507.000	-
Cộng	<u>610.574.700</u>	<u>473.063.300</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá trị còn lại vườn cây bị phá dỡ	-	4.712.311.248
Phạt vi phạm hành chính, lãi chậm nộp	33.269	807.870
Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	166.069.133	67.849.880
Cộng	166.102.402	4.780.968.998

9. Lãi trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.251.657.963)	(8.359.558.968)
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(5.251.657.963)	(8.359.558.968)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	14.676.300	14.676.300
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)	(358)	(570)

Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ**Cổ phiếu lưu hành bình quân**

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	14.676.300	14.676.300
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	14.676.300	14.676.300

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)**9b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(5.251.657.963)	(8.359.558.968)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
+ Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(5.251.657.963)	(8.359.558.968)
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	14.676.300	14.676.300
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	(358)	(570)

9c. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá mua hàng hóa đã bán	2.727.280.892	3.360.878.173
Chi phí nhân công	657.968.395	770.262.228
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.510.908.489	1.626.184.396
Chi phí dịch vụ mua ngoài	596.337.249	284.597.659
Chi phí bằng tiền khác	199.338.830	796.489.444
Chi phí dự phòng	1.007.132.479	889.576
Cộng	6.698.966.334	6.839.301.476

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VND)**1. Tiền thu từ đi vay**

	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	44.800.000.000	11.140.000.000
Cộng	44.800.000.000	11.140.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

2. Tiền trả nợ gốc vay

	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền chi trả nợ vay theo kế ước thông thường	(43.758.188.000)	(23.180.000.000)
Cộng	(43.758.188.000)	(23.180.000.000)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Theo Thông báo số 6796/TB-CCTKV14-KĐT ngày 09/06/2025 của Chi cục thuế khu vực XIV thì Công ty còn nợ tiền thuê đất và phạt chậm nộp của các năm trước như sau:

	Tiền thuê đất	Tiền chậm nộp	Cộng
Giai đoạn Doanh nghiệp Nhà nước	7.754.365.354	5.104.518.215	12.858.883.569
Giai đoạn Công ty cổ phần	395.826.472	368.799.753	764.626.225
Tổng cộng	8.150.191.826	5.473.317.968	13.623.509.794

Nguyên nhân khoản tiền này chưa được phản ánh vào BCTC các năm trước như sau:

- Giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước:** là khoản tiền thuê đất phát sinh của giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước, không nằm trong phương án cổ phần hóa, không nằm trong hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp.
- Giai đoạn Công ty cổ phần:** Khoản chênh lệch là do Chi cục Thuế tính tiền thuê đất trên cả phần diện tích đất mà Công ty cổ phần đã bàn giao về cho địa phương quản lý.

Các vấn đề này công ty đã làm đơn khởi kiện Cục trưởng Cục Thuế Tỉnh Gia Lai vào ngày 19/07/2024. Đồng thời, Thanh tra Tỉnh đã có văn bản yêu cầu Thuế Tỉnh Gia Lai phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan xử lý đối với khoản tiền thuê đất này. Hiện nay các bên đang tiếp tục làm việc để giải quyết.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

- Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	6 tháng đầu năm 2026			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Trịnh Quang Hưng	Chủ tịch HĐQT	-	150.000.000	-	150.000.000
2	Nguyễn Văn Quân	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	120.000.000	6.954.545	-	126.954.545
3	Trần Cao Châu	Thành viên HĐQT	-	6.954.545	-	6.954.545
4	Nguyễn Công Tiến	Nguyên thành viên HĐQT	30.000.000	11.045.455	-	41.045.455
5	Trần Thế Quang	Trưởng ban kiểm soát	-	6.954.545	-	6.954.545
6	Nguyễn Thị Thu Vân	Thành viên BKS	-	12.000.000	-	12.000.000
7	Bùi Thị Bích Hương	Thành viên BKS	48.000.000	12.000.000	-	60.000.000
8	Trần Đông Hưng	Nguyên Trưởng Ban kiểm soát	-	11.045.455	-	11.045.455
9	Nguyễn Văn Hương	Kế toán trưởng	-	-	-	-
10	Lê Văn Hiếu	Nguyên Kế toán trưởng	84.000.000	-	-	84.000.000
	Tổng cộng		282.000.000	216.954.545	-	498.954.545

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	6 tháng đầu năm 2025			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Trịnh Quang Hưng	Chủ tịch HĐQT	-	150.000.000	-	150.000.000
2	Trịnh Đình Trường	P.Chủ tịch HĐQT	-	72.000.000	-	72.000.000
3	Nguyễn Công Tiến	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	180.000.000	18.000.000	-	198.000.000
4	Phùng Ngọc Kim	Nguyên thành viên HĐQT	-	10.636.364	-	10.636.364
5	Trịnh Quang Vinh	Nguyên thành viên HĐQT	-	10.636.364	-	10.636.364
6	Trần Đông Hưng	Trưởng Ban kiểm soát	-	18.000.000	-	18.000.000
7	Bùi Thị Liễu	Nguyên thành viên BKS	-	7.090.909	-	7.090.909
8	Bùi Thị Bích Hương	Thành viên BKS	45.000.000	12.000.000	-	57.000.000
9	Nguyễn Thị Thu Vân	Thành viên BKS	-	4.909.091	-	4.909.091
10	Nguyễn Văn Quân	P.Tổng Giám đốc	120.000.000	-	-	120.000.000
11	Lê Bá Hiếu	Kế toán trưởng	84.000.000	-	-	84.000.000
	Tổng cộng		429.000.000	303.272.728	-	732.272.728

b) Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các Công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty CP Năng lượng Nghĩa Hưng	Công ty đầu tư
Công ty CP Chè Biển Hồ	Cùng công ty đầu tư
Công ty TNHH Long Sơn	Thành viên ban lãnh đạo có quan hệ thân thuộc với Chủ tịch HĐQT
Trịnh Quang Hưng	Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Trịnh Đình Trường
Nguyễn Công Tiến
Nguyễn Quang Hải

P.Chủ tịch HĐQT
Tổng Giám đốc
Người có quan hệ thân thuộc với Chủ tịch HĐQT

Doanh thu với các bên liên quan

	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ		
Doanh thu cà phê xuất bán	1.357.500.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Nghĩa Hưng		
Doanh thu khác	13.636.364	13.636.364

Giao dịch với các bên liên quan khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ	-	-
Ứng trước tiền mua hàng hóa	31.000.000.000	12.600.000.000
Trả tiền ứng trước tiền mua hàng	25.000.000.000	-
Mua hàng hóa	3.974.905.000	22.022.000
Trả gốc vay	23.758.188.000	7.900.000.000
Nguyễn Quang Hải		
Trả nợ vay	-	4.700.000.000
Trịnh Quang Hưng		
Cho vay	23.500.000.000	10.580.000.000
Trả nợ vay	5.000.000.000	9.750.000.000
Nguyễn Công Tiến		
Cho vay	-	750.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)*Số dư với các bên liên quan*

Tên Công ty	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Chè Biển Hồ		
Phải trả người bán	-	773.802.353
Người mua trả tiền trước	26.050.000.000	20.050.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	10.900.000.000
Vay dài hạn	-	12.858.188.000
Lãi tiền vay, tiền nhận ứng trước phải trả	27.133.953.633	25.109.104.333
Công ty CP Năng lượng Nghĩa Hưng		
Phải thu khách hàng	4.860.214.300	4.860.214.300
Công ty TNHH Long Sơn		
Người mua trả tiền trước	10.000.000.000	10.000.000.000
Trịnh Đình Trường		
Vay ngắn hạn	3.794.849.400	3.794.849.400
Lãi tiền vay	869.861.800	721.040.400
Trịnh Quang Hưng		
Vay ngắn hạn	18.500.000.000	-
Lãi tiền vay	163.716.250	103.591.250

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)**3. Báo cáo bộ phận***- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

	Cà phê	Bán vật tư, phân bón	Hoạt động khác	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.357.500.000	1.395.320.280	203.693.495	2.956.513.775
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.357.500.000	1.395.320.280	203.693.495	2.956.513.775
Giá vốn bộ phận	1.308.459.433	1.369.780.892	150.077.948	2.828.318.273
Lợi nhuận gộp bộ phận	49.040.567	25.539.388	53.615.547	128.195.502
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	5.330.654.936	5.250.057	192.202.763	5.528.107.756
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.330.654.936	5.250.057	192.202.763	5.528.107.756
Giá vốn bộ phận	3.355.961.614	4.916.559	40.350.200	3.401.228.373
Lợi nhuận gộp bộ phận	1.974.693.322	333.498	151.852.563	2.126.879.383

- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Công ty đều được thực hiện tại Việt Nam.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các thông tư có liên quan. Công ty đã trình bày lại các thay đổi về mã số và các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này. Số liệu so sánh được trình bày lại như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Báo cáo tình hình tài chính	Số liệu tại ngày 01/01/2026		Số liệu tại ngày 31/12/2025		Chênh lệch
	trình bày lại theo		theo TT200/2014/TT-BTC		
	Mã số	Số tiền	Mã số	Số tiền	
Phải trả ngắn hạn khác	320	30.110.908.385	319	3.102.464.876	27.008.443.509
Nguồn kinh phí		-	431	499.537.526	(499.537.526)
Chi phí phải trả	316	-	315	26.508.905.983	(26.508.905.983)

5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập với giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Tại ngày 30/06/2026, lỗ lũy kế là (144.528.493.290) đồng, nợ ngắn hạn của Công ty cũng vượt quá tài sản ngắn hạn là 85.578.419.097 đồng. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào hoạt động có lãi trong tương lai và/hoặc sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông để đảm bảo Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo.

Báo cáo tài chính này không bao gồm bất kỳ một sự điều chỉnh nào liên quan đến khả năng thu hồi và phân loại lại giá trị tài sản đã ghi nhận hoặc liên quan đến giá trị hoặc phân loại lại các khoản nợ phải trả, được coi là cần thiết trong trường hợp Công ty không thể tiếp tục hoạt động.

6. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Gia Lai, ngày 12 tháng 08 năm 2026

Lê Bá Hiếu
Người lập biểu

Nguyễn Văn Hường
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quân
Tổng Giám đốc

